

Số: 55/2023/QĐST-HNGĐ

H, ngày 18 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 6; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Trịnh Văn M, sinh năm 1988

Và chị Trịnh Thị B, sinh năm 1989

Đều có địa chỉ: Thôn 4, ..., xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về hôn nhân:* Anh Trịnh Văn M và chị Trịnh Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá ngày 21/01/2015. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận nhưng kể từ năm 2021 đến nay phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm hay xảy ra tranh cãi. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai gia đình đã can thiệp hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không thể sống hòa thuận với nhau. Nay anh M và chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện H công nhận thuận tình ly hôn. Do đó cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp.

[2]. *Về con:* Anh Trịnh Văn M và chị Trịnh Thị B xác định vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Việt Q, sinh ngày 12/12/2015 và Trịnh Đăng T, sinh ngày 10/9/2021.

Hai bên thống nhất thỏa thuận: Anh Trịnh Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Việt Q; chị Trịnh Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Đăng T. Hai bên có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. *Về tài sản, công nợ*: Anh Trịnh Văn M và chị Trịnh Thị B tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về lệ phí*: Anh Trịnh Văn M và chị Trịnh Thị B mỗi người chịu trách nhiệm nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Xét đây là sự tự nguyện của hai bên nên chấp nhận.

[5]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Văn M và chị Trịnh Thị B.

- *Về con*: Anh Trịnh Văn M và chị Trịnh Thị B xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Việt Q, sinh ngày 12/12/2015 và cháu Trịnh Đăng T, sinh ngày 10/9/2021.

Hai bên thống nhất thỏa thuận: Anh Trịnh Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Việt Q; chị Trịnh Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Đăng T. Hai bên có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và công nợ*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trịnh Văn M và chị Trịnh Thị B mỗi người nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí anh M, chị B đã nộp theo Biên lai thu số AA/2022/0005126 ngày 17/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Anh M, chị B đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Cao Thị Nga